

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CL
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HS-ST

Ngày: 21-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CL, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hồng Thor;

Ông Nguyễn Viết Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CL tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Minh T**; sinh ngày 17/01/1997, tại Đồng Tháp; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Ấp A, xã BS, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: làm thuê; Cha tên: Bùi Văn U và mẹ: Đỗ Thị Tm; Gia đình có hai anh chị em, bị cáo là con lớn; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án; Tiền sự: không; Tạm giữ ngày 17/01/2020. Tạm giam ngày 23/01/2020. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Trần Minh Tn, sinh năm 2000 (có mặt).

Địa chỉ: ấp F, xã MT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- Người liên quan: Đỗ Thị Tm, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 3, xã BS, huyện CL, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Minh T, Trần Minh Tn, sinh năm 2000, ngụ Ấp 4, xã MT, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp với Nguyễn Hoài Tr và Tg là bạn bè. Khoảng 09 giờ ngày 27-11-2019, Bùi Minh T đến nhà trọ P2 thuộc khóm MT, phường MP, thành phố CL để tìm Tg. Khi vào nhà trọ Minh T thấy xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider biển số 66P2-103.91 của Trần Minh Tn đang dựng tại khu vực để xe của nhà trọ.

T vào phòng số 5 có Tn, Hoài Tx đang ngủ còn Tg thức nói chuyện với Minh T, sau đó Tg ra ngoài.

Lúc này, Minh T thấy Tn đang ngủ để chìa khóa xe trong túi quần (bên ngoài) của Tn đang mặc bị lộ ra ngoài nên nảy sinh ý định lấy trộm xe của Tn. Minh T rút chìa khóa trong túi quần ra và đi đến khu vực để xe của nhà trọ dẫn trộm xe mô tô biển số 66P2- 103.91 ra ngoài và điều khiển xe rời khỏi nhà trọ.

Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, Tn không thấy xe, Tn hỏi bà Dương Kim V quản lý nhà trọ, bà V nói thấy T điều khiển xe ra khỏi nhà trọ, nghi Tn cho T mượn xe. Đến 14 giờ ngày 28-11-2019, Tn trình báo việc bị mất xe đến Công an Phường MP.

Sau khi lấy trộm xe của Tn, T điều khiển xe đến chở Nguyễn Thanh Th, sinh năm 2000, ngụ xã MT, thành phố CL cùng Th đến thành phố H. Ngày 29-11-2019, T không có tiền tiêu xài nên đã cầm xe cho Nguyễn Minh Ah ngụ Phường O, Quận T, thành phố H. Sau đó T sử dụng Chứng minh nhân dân, giấy đăng ký xe và giấy phép lái xe của Tn để trong cốp xe, T nói với Nguyễn Minh Ah là xe của T rồi bán xe được 27.000.000 đồng cho Minh Ah.

Đến ngày 17-01-2020, Bùi Minh T đến Công an thành phố Cao Lãnh đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của Trần Minh Tn.

Theo kết luận định giá số 07/KL-ĐGTS ngày 06-01-2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố Cao Lãnh kết luận xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider biển số 66P2-103.91 có trị giá 33.5000.000 đồng.

Sau khi mua xe biển số 66P2-103.91 do T bán, Nguyễn Minh Ah đã bán lại cho Cao Minh K, sinh năm 1969, ngụ số T, Phường J, quận BT, thành phố H, Kbán lại cho Nguyễn Thành Đ, ngụ ấp K, xã HB, huyện X, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, hiện nay Đ không có mặt tại địa phương, nên không thu hồi được xe.

Trần Minh Tn yêu cầu bồi thường 54.000.000 đồng giá trị xe bị mất, bị can T chỉ thống nhất bồi thường số tiền 33.500.000 đồng theo giá trị tài sản như kết luận định giá. Ngày 04-2-2020, bà Đỗ Thị Tm là mẹ ruột của T thay T đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng, bà Tm không yêu cầu T trả lại.

Ngày 17-01-2020, Bùi Minh T giao nộp 01 chứng minh nhân dân (CMND) tên Trần Minh Tn, ngày 20-01-2020 bà Dương Kim V quản lý nhà trọ giao nộp 01 CMND tên Bùi Minh T, ngày 19-01-2020 và 21-01-2020 Công an thành phố Cao Lãnh đã trả lại giấy CMND cho Tn và bà Đỗ Thị Tm là mẹ ruột của bị can T.

Trong quá trình điều tra bị cáo Bùi Minh T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung đã nêu trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án.

Tại Cáo trạng số: 27/CT-VKSND-TPCL ngày 31 tháng 3 năm 2020, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đã truy tố bị cáo Bùi Minh T, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CL giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị như sau:

Tuyên bố bị cáo Bùi Minh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh T với mức án tù 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thỏa thuận bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng, đã bồi thường được 10.000.000 đồng, còn lại bồi thường tiếp 30.000.000 đồng, được bị hại đồng ý nên ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin xem xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện phù hợp pháp luật.

[2] Những chứng cứ xác định có tội, cấu thành tội phạm và điều luật áp dụng:

Đây là vụ án “Trộm cắp tài sản” do Bùi Minh T thực hiện. Khoảng 09 giờ ngày 27-11-2019, Bùi Minh T đến nhà trọ P2 thuộc khóm MT, phường MP, thành phố CL lợi dụng lúc Trần Minh Tn đang ngủ lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Suzuki Raider biển số 66P2-103.91 có trị giá 33.5000.000 đồng của Trần Minh Tn rồi điều khiển xe đến thành phố Hồ Chí Minh bán cho người khác lấy tiền tiêu cái cá nhân.

Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, lời luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa cho rằng bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” như Cáo trạng đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ. Bị cáo thừa nhận lời luận tội của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng với tính chất, mức độ và hành vi của bị cáo gây ra.

Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện chứng tỏ việc phạm tội của bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

Từ những cơ sở trên kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2...

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự

trị an ở địa phương. Do đó, cần phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để có thời gian học tập, cải tạo, trở thành người tốt có ích cho gia đình và xã hội sau này. Đồng thời, cũng để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường khắc phục một phần hậu quả và gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo; sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là tình tiết được quy định theo điểm b, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: không có.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo thỏa thuận bồi thường cho bị hại số tiền 40.000.000 đồng, đã bồi thường được 10.000.000 đồng, còn lại bồi thường tiếp 30.000.000 đồng, được bị hại đồng ý nên ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo với bị hại. Buộc bị cáo Bùi Minh T bồi thường cho bị hại Trần Minh Tn số tiền 30.000.000 đồng.

[4] Về đề nghị của Viện kiểm sát:

Viện kiểm sát đề nghị về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[5] Các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thanh Th đi cùng xe với T nhưng không biết xe trên do T trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với Nguyễn Anh M đã mua xe của T, nhưng Minh không biết xe do T trộm cắp mà có, khi bán xe T có đủ giấy tờ xe và dùng CMND của Tn nên không xem xét xử lý.

Đối với Dương Kim V là người quản lý nhà trọ, việc xảy ra mất tài sản là ngoài ý muốn, nội quy nhà trọ P2 là khách tự quản lý tài sản, không chịu trách nhiệm tài sản bị mất. Vì vậy không xem xét về trách nhiệm dân sự trong việc bị mất tài sản trên.

[6] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Minh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Bùi Minh T 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày 17-01-2020.

* Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bị cáo Bùi Minh T với bị hại Trần Minh Tn. Buộc bị cáo Bùi Minh T bồi thường cho bị hại Trần Minh Tn số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

* Về lãi suất chậm trả: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi cho số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

* Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về án phí của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn toàn bộ án phí hình sự và dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TPCL;
- VKDND tỉnh Đồng Tháp;
- CQĐT Công an TPCL;
- CQTHAHS Công an TPCL;
- Trại tạm giam CA tỉnh ĐT;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Minh Tùng